

Số: 938 /QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-TS-VP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét báo cáo đánh giá 26/5/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT cho 08 sản phẩm với số HQ.05.0.23.02688, QCVN 02-32-1:2019/ BNNPTNT cho 05 sản phẩm với số HQ.05.0.23.02689 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thuốc thú y CNC, địa chỉ: Lô 28, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Danh mục sản phẩm, Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 2 năm từ ngày ký. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thuốc thú y CNC được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thuốc thú y CNC, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT Tp. Hà Nội;
- Giám đốc Trung tâm (b/c);
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yến



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-TTCK ngày 06 tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm định Thủy sản)

1. Thức ăn thủy sản – Thức ăn bổ sung

STT	Tên sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	PROBIOTIC PLUS (HQ.05.0.23.02688-1)	Vinacontrol- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 1	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ 0,05)	KPH	EN 16277:2012
			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ 1,5)	KPH	TCVN 9126:2011
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g (Lod 10)	KPH	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	VIBRIO PHAGE (HQ.05.0.23.02688-2)		Chì (Pb)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ 0,05)	KPH	EN 16277:2012
			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ 1,5)	KPH	TCVN 9126:2011
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g (Lod 10)	KPH	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	CNC – BIOPRO (HQ.05.0.23.02688-3)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	0,05	EN 16277:2012
			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

4	LACTO – AQUA (HQ.05.0.23.02688-4)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	VIBRIO PHAGE PLUS (HQ.05.0.23.02688-5)		Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	0,05	EN 16277:2012
			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	GOLDEN CALCIUM (HQ.05.0.23.02688-6)		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	1,74	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,40	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
7	CNC – PROTECT ỐC (HQ.05.0.23.02688-7)	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012	
		Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013	
		Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012	
		<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008	
		<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017	



8	CNC – BOGANTUY (HQ.05.0.23.02688-8)	Vinacontrol- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ 0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g (Lod)	KPH	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

2. Hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

STT	Tên sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	PROBIOTIC- EM (HQ.05.0.23.02689-1)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	<i>Bacillus</i> spp.	CFU/g	2,0 x 10 ⁷	HDS-03 (Ref.TCVN 8736:2011; BS EN 15784:2009)
			<i>Saccharomyces</i> spp.	CFU/g	1,7 x 10 ⁶	HDS-53
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	CNC BKC 80 (HQ.05.0.23.02689-2)	Vinacontrol- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 1	Benzalkonium chloride	%	82,4	Dược điển Việt Nam IV
			Asen (As)	mg/kg (LOQ 1.0)	KPH	TCVN 8900-9:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ 1.0)	KPH	TCVN 8900-7:2012



3	CNC – CLEAN POND (HQ.05.0.23.02689-3)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	<i>Bacillus spp.</i>	CFU/g	1,1 x 10 ⁶	HDS-03 (Ref.TCVN 8736:2011; BS EN 15784:2009)
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella spp.</i>	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
4	CNC – POND GUARD (HQ.05.0.23.02689-4)	Vinacontrol- Trung tâm phân tích và thử nghiệm 1	Asen (As)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ 1,0)	KPH	TCVN 9588:2013
5	CNC KOMBICID (HQ.05.0.23.02689-5)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 8900-9:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 8900-7:2012

Ghi chú: KPH - không phát hiện





DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-TTCK ngày 06 tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm định, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	PROBIOTIC PLUS	Lô 28, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	HQ.05.0.23.02688-1	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
2	VIBRIO PHAGE		HQ.05.0.23.02688-2	
3	CNC – BIOPRO		HQ.05.0.23.02688-3	
4	LACTO – AQUA		HQ.05.0.23.02688-4	
5	VIBRIO PHAGE PLUS		HQ.05.0.23.02688-5	
6	GOLDEN CALCIUM		HQ.05.0.23.02688-6	
7	CNC – PROTECT ỐC		HQ.05.0.23.02688-7	
8	CNC – BOGANTUY		HQ.05.0.23.02688-8	
9	PROBIOTIC- EM		HQ.05.0.23.02689-1	QCVN 02-32-1:2019/ BNNPTNT
10	CNC BKC 80		HQ.05.0.23.02689-2	
11	CNC – CLEAN POND		HQ.05.0.23.02689-3	
12	CNC – POND GUARD		HQ.05.0.23.02689-4	
13	CNC KOMBICID		HQ.05.0.23.02689-5	